

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ-TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Phú Hoa
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984 (có mặt);
- Bị đơn: Anh Nguyễn Châu T, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cùng trú tại: Khối phố Xuân N, phường Trường X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Châu T đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, chồng chị anh T không xem chị là người vợ, hay say xỉn về chửi bới vợ con, không chăm lo gia đình, trong hai năm gần đây chị phải tự lo kinh tế gia đình. Nay chị không thể chung sống cùng anh T, tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/6/2006 và Nguyễn Châu N, sinh ngày 29/8/2010; khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho hai cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Châu T: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án đến bị đơn, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không đến Tòa án để làm việc. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Hội đồng xét xử xét xử theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Châu T theo quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến anh Châu T, tuy nhiên anh T đều vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Châu T theo luật định.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T với anh Châu T thấy rằng:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Châu T đăng ký kết hôn vào ngày 21/8/2005 tại UBND xã Tam A, huyện PN, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị T cho rằng anh T không tôn trọng chị nên vợ chồng xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, chị đã cố gắng nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến anh Tuấn, nhưng anh Tuấn đều vắng mặt và không có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi đến Tòa án để nói rõ quan điểm của mình về yêu cầu ly hôn của chị T, do đó không có căn cứ để Tòa án xem xét cho vợ chồng đoàn tụ. Nay xét mâu thuẫn vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Châu T.

- Về con chung: có hai con chung là Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/6/2006 và Nguyễn Châu N, sinh ngày 29/8/2010, chị T có nguyện vọng nuôi con chung, và

yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T hiện tại có công việc ổn định và xét theo nguyện vọng của hai con mong muốn được ở với mẹ nên xét thấy cần tiếp tục giao hai con chung cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu U, cháu N đủ tuổi trưởng thành là đúng theo quy định tại các Điều 107, 108 Luật HNGĐ năm 2015;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị T phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Án phí cấp dưỡng anh Nguyễn Châu T phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 84, 107 và Điều 108 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T với bị đơn anh Nguyễn Châu T về việc ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Châu T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc U, sinh ngày 03/6/2006 và cháu Nguyễn Châu N sinh ngày 29/8/2010 cho chị Lê Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Châu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu U, cháu N đủ tuổi trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Châu T không nộp khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung như trên, thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lê Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001261 ngày 27/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Châu T phải chịu là 300.000 đồng.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-12-2021). Anh Nguyễn Châu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tam A, PN;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt